

Số: 509 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND  
thành phố Hà Nội đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2024

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 128/TTr-STP ngày 14 tháng 01 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND Thành phố ban hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần gồm 105 văn bản, trong đó: 93 văn bản (22 Nghị Quyết, 71 Quyết định) hết hiệu lực toàn bộ; 12 văn bản (06 Nghị quyết; 06 Quyết định) hết hiệu lực một phần.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử và Công báo Thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy; (để
- Thường trực HĐND TP; b/c)
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP ;
- VPUBNDTP: CVP, các PCVP,  
Các phòng CM, TT TTĐT TP;
- Lưu: VT, NC.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Sơn**

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)



| STT                           | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản   | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------------------|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
| <b>NGHỊ QUYẾT: 06 VĂN BẢN</b> |                  |   |   |  |                                   |
| 1.                            | Nghị quyết       | 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/07/2017 của HĐND thành phố Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố | Phụ lục 07                                      | Được thay thế bởi Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội | 10/4/2024                         |
| 2.                            | Nghị quyết       | 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội quy định số lượng,  | Điều 1  | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 12/2024 /NQ-HĐND ngày 1/7/2024 của của HĐND thành phố Hà   | 11/7/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  | phụ cấp thường xuyên đối với Công an xã bán chuyên trách được bố trí ở thôn tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở; mức chi hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách nghỉ công tác mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội |   | Nội quy định tiêu chí thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở trên địa bàn Thành phố.  |                                   |
| 3.  | Nghị quyết       | 16/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND thành phố Hà Nội Về việc quy định một số nội dung và mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội  | Phụ lục số 02                                   | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 12/2024 /NQ-HĐND ngày 1/7/2024 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định tiêu chí thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh | 11/7/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | trật tự ở cơ sở trên địa bàn Thành phố.  |                                   |
| 4.  | Nghị quyết       | 03/2019/NQ-HĐND<br>ngày 08/07/2019 của HĐND Thành phố Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố | Phụ lục 01                                      | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 2/7/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội Về việc quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội | 12/7/2024                         |
|     |                  |  | Phụ lục 02                                      | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc Quy định một số nội dung, mức chi về hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội  | 01/1/2025                         |
| 5.  | Nghị quyết       | 06/2023/NQ-HĐND<br>ngày 04/07/2023 của HĐND thành phố Hà Nội Về việc quy định một số nội dung chi và mức chi thuộc thẩm                          | Phụ lục 04                                      | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND thành phố Hà Nội về việc Quy định một số nội dung, mức chi về   | 01/1/2025                         |

| STT                           | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------------------|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|                               |                  | quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội   |   | hoạt động đối ngoại của thành phố Hà Nội   |                                   |
| 6.                            | Nghị quyết       | 04/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố Hà Nội                         | Điểm c Khoản 2 Điều 2   | Được sửa đổi bởi Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND thành phố Hà Nội Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý | 20/12/2024                        |
| <b>QUYẾT ĐỊNH: 06 VĂN BẢN</b> |                  |  |   |  |                                   |
| 7.                            | Quyết định       | 05/2021/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội | - Khoản 1 Điều 1<br>- Điểm d khoản 2 Điều 16<br>- Sửa đổi, bổ sung cụm từ "... phòng chuyên môn thuộc Sở khoa học và Công nghệ..." tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 17 và điểm b khoản 1 Điều 18 thành "... phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở Khoa học và | Được sửa đổi bởi Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố ban hành kèm theo             | 25/2/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | Công nghệ...”.  | Quyết định số 05/2021/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  |                                   |
| 8.  | Quyết định       | 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội | <p>- Nội dung “Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp” và cụm từ “tiếp nhận báo cáo tình hình sử dụng người lao động nước ngoài,” quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 2</p> <p>- Nội dung “tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong khu công nghiệp về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà</p> | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND ngày 06/05/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 03/01/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội | 16/05/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | người Việt Nam chưa đáp ứng được” quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 2  |   |                                   |
| 9.  | Quyết định       | 38/2022/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội | <p>- Đoạn “Phân loại công trình (nhỏ, vừa, lớn) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ” tại trang 2 Phụ lục I</p> <p>- Tại mục “2. Mã hiệu B.1000: Quy trình kiểm tra thường xuyên kênh và công trình trên kênh” trang 5 Phụ lục I.</p> <p>+ Cụm từ “kênh loại nhỏ”</p> <p>+ Cụm từ “kênh loại lớn và vừa”</p> <p>+ Cụm từ “kênh nhỏ”</p> <p>+ Cụm từ “kênh vừa”</p> <p>+ Cụm từ “kênh lớn”</p> <p>- Đoạn “Trạm bơm, hồ chứa loại vừa và nhỏ; hệ thống dẫn chuyển nước loại vừa theo phân cấp do UBND cấp huyện quản lý” tại mục “1. Phạm vi điều chỉnh” trang 4 Phụ lục II.</p> <p>- Đoạn “Lao động trình độ cao đăng áp dụng nhóm d, bảng 2.1,</p> | Bị thay thế bởi Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04/06/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội | 15/6/2024                         |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |   | <p>bậc bình quân 7,5/12, hệ số lương 3,305” tại trang 5 Phụ lục II.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại mục “II. Mã hiệu B.1000: Định mức kiểm tra thường xuyên kênh và công trình trên kênh” trang 11 Phụ lục II.</li> <li>+ Cụm từ “kênh loại nhỏ”</li> <li>+ Cụm từ “kênh loại lớn và vừa”</li> <li>+ Cụm từ “kênh nhỏ”</li> <li>+ Cụm từ “kênh vừa”</li> <li>+ Cụm từ “kênh lớn”</li> <li>- Tại các bảng: “Bảng 03. Định mức kiểm tra kênh và công trình trên kênh” trang 12 Phụ lục II, “Bảng 04. Định mức kiểm tra, quan trắc định kỳ kênh” trang 13 Phụ lục II, “Bảng 05. Định mức duy trì định kỳ kênh” trang 14 Phụ lục II, “Bảng 06. Định mức vận hành kênh” trang 15 Phụ lục II.</li> <li>+ Cụm từ “Loại nhỏ”</li> <li>+ Thay thế cụm từ “Loại vừa” ”</li> <li>+ Thay thế cụm từ “Loại lớn”</li> <li>- Tại các bảng: “Bảng 07. Định</li> </ul> |                                    |                                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|--|------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                  |   | <p>mức duy trì định kỳ công” trang 17 Phụ lục II, “Bảng 08. Định mức vận hành công” trang 18 Phụ lục II</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cụm từ “Loại nhỏ”</li> <li>+ Cụm từ “Loại vừa”</li> <li>+ Cụm từ “Loại lớn”</li> <li>- Tại “Bảng 09. Định mức duy trì, vận hành hồ” trang 22 Phụ lục II.</li> <li>+ Cụm từ “Loại nhỏ”</li> <li>+ Cụm từ “Loại vừa”</li> <li>+ Cụm từ “Loại lớn”</li> <li>- Cụm từ “đơn giá chi tiết” tại trang 36, 37 Phụ lục II.</li> <li>- Cụm từ “nhân công vận hành” tại các mục “XII. Mã hiệu H.1000: Định mức chi phí quản lý” và “XIV. Mã hiệu L.1000: Lợi nhuận định mức” trang 36, 37 Phụ lục II.</li> <li>- Cụm từ “nhân công” tại mục “XIII. Mã hiệu K.1000: Định mức chi phí bảo trì” trang 36, 37 Phụ lục II.</li> </ul> |                                    |                                   |
| 10. | Quyết định       | 28/2022/QĐ-UBND   | - Điểm a, b, d khoản 3, Điều 5;  | Được sửa đổi bởi Quyết             | 21/09/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  | ngày 24/06/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội   | - Khoản 11, Điều 9  | định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 11/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về An toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội |                                   |
| 11. | Quyết định       | 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/ 2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ- | - Điều 1<br>- Khoản 2 Điều 1;<br>- Khoản 1 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định<br>- Mục 2.1 khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định<br>- Điểm a mục 2.2 khoản 2 Điều 3 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND: “Giá đất sau khi áp dụng hệ số K không được vượt | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về  | 20/12/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
|     |                  | UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  | <p>khung giá đất cùng loại tối đa của Chính phủ quy định; Trường hợp vượt thì lấy bằng khung giá đất của Chính phủ”</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm d, mục 2.2, khoản 3 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND;</li> <li>- Khoản 1, 3 Điều 4; Điều 5; khoản 1, 2, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ;</li> <li>- Khoản 2 Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND</li> <li>- Khoản 3, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND</li> <li>- Khoản 6, Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND</li> <li>- Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 30/2019/QĐ-UBND</li> <li>- Thay thế toàn bộ Bảng giá đất tại Quyết định số 30/2019/QĐ-</li> </ul> | việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội |                                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | UBND và Phụ lục tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND bằng các Phụ lục (từ Phụ lục số 01 đến Phụ lục số 32) kèm theo Quyết định)                     |  |                                   |
| 12. | Quyết định       | 20/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 của UBND thành phố Hà Nội về sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 Điều 1</li> <li>- Khoản 2 Điều 1</li> <li>- Khoản 3 Điều 1</li> <li>- Khoản 7 Điều 1</li> </ul> | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 được | 20/12/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|---|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |   |   | sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội |                                   |

**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HĐND, UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
**HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| 1.  | Quyết định       | 04/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 11/01/2022             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội         | Bị thay thế bởi Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 08/1/2024 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội   | 18/1/2024                         |
| 2.  | Quyết định       | 19/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 07/09/2020             | Về việc quy định số lượng và một số nội dung về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 11/1/2024 của UBND Thành phố Về việc bố trí cán bộ phường, xã, thị trấn; bố trí công chức xã, thị trấn; tiêu chuẩn cán bộ phường, xã, thị trấn; tiêu chuẩn công chức xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội | 22/1/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| 3.  | Quyết định       | 23/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 18/11/2021             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 22/1/2024 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch thành phố Hà Nội            | 02/2/2024                         |
| 4.  | Quyết định       | 24/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 01/08/2016             | Về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 24/1/2024 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội | 04/2/2024                         |
| 5.  | Quyết định       | 22/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 17/11/2021             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế | Bị thay thế bởi Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 24/1/2024 của UBND Thành phố Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  | 04/2/2024                         |



| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>   | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>   | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|--|---|--|
|            |                         |   | hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội   | của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội  |  |
| 6.         | Quyết định              | 42/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 19/9/2016                     | Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở thông tin và truyền thông thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 24/1/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội | 04/2/2024                                |
| 7.         | Quyết định              | 29/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 22/12/2021                    | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 24/1/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội | 04/2/2024                                |
| 8.         | Quyết định              | 26/2019/QĐ-UBND<br>Ngày 18/11/2019                    | Về việc quy định đối tượng khách được mời cơm theo quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-  | Bị thay thế bởi Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 24/1/2024  | 04/2/2024                                |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>   | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>   | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|--|---|--|
|            |                         |   | HĐND ngày 8/7/2019 của HĐND Thành phố  | của UBND Thành phố Quy định đối tượng khách được mời theo quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 4/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố |  |
| 9.         | Quyết định              | 38/2013/QĐ-UBND<br>Ngày 19/9/2013                     | Về việc ban hành giá bán nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội.   | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND Thành phố về bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội                                    | 15/2/2024                                |
| 10.        | Quyết định              | 39/2013/QĐ-UBND<br>Ngày 19/9/2013                     | Về việc phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch không dùng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND Thành phố về bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội                                  | 15/2/2024                                |
| 11.        | Quyết định              | 29/2022/QĐ-UBND                                       | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ   | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2024/QĐ-   | 11/2/2024                                |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  | Ngày 24/06/2022                                | chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội   | UBND ngày 01/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội   |                                   |
| 12. | Quyết định       | 22/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 25/07/2016             | Quy chế xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 25/7/2016 và Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND thành phố Hà Nội | 12/2/2024                         |
| 13. | Quyết định       | 16/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 11/07/2018             | Về việc sửa đổi một số điều của Quy chế cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 22/2016/QĐ- | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND  | 12/2/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của UBND thành phố Hà Nội  | ngày 25/7/2016 và Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND thành phố Hà Nội  |                                   |
| 14. | Quyết định       | 19/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 11/11/2021             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội       | Bị thay thế bởi Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội                    | 14/2/2024                         |
| 15. | Quyết định       | 36/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 25/10/2022             | Về việc bổ sung điểm m khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 04/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội | 14/2/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| 16. | Quyết định       | 01/2015/QĐ-UBND<br>Ngày 19/01/2015             | Về phân cấp cấp Giấy phép kinh doanh karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của UBND Thành phố về việc phân cấp việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke trên địa bàn thành phố Hà Nội        | 29/02/2024                        |
| 17. | Quyết định       | 11/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 21/07/2021             | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND Thành phố ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội | 02/03/2024                        |
| 18. | Quyết định       | 51/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 13/12/2016             | Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Quy hoạch - Kiến trúc thành phố Hà Nội.                             | Bị thay thế bởi Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức   | 02/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch-Kiến trúc thành phố Hà Nội   |                                   |
| 19. | Quyết định       | 06/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 11/01/2022             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 51/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Quy hoạch Kiến trúc thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Quy hoạch-Kiến trúc thành phố Hà Nội            | 02/03/2024                        |
| 20. | Quyết định       | 40/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 11/11/2022             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội | 02/03/2024                        |
| 21. | Quyết định       | 24/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 18/11/2021             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ  | Bị thay thế bởi Quyết định số 20/2024/QĐ-   | 07/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội  | UBND ngày 26/02/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội   |                                   |
| 22. | Quyết định       | 01/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 11/01/2022             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 06/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội | 16/03/2024                        |
| 23. | Quyết định       | 02/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 10/01/2022             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội | 17/03/2024                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|--|--|
| 24.        | Quyết định              | 37/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 25/10/2022                    | Về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương thành phố Hà Nội | 07/03/2024                               |
| 25.        | Quyết định              | 01/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 20/01/2016                    | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội.                        | Bị thay thế bởi Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND Thành phố ban hành quy chế hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hà Nội                         | 22/3/2024                                |
| 26.        | Quyết định              | 10/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 16/03/2022                    | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thành phố Hà Nội            | Bị thay thế bởi Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thành               | 22/03/2024                               |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | phố Hà Nội  |                                   |
| 27. | Quyết định       | 09/2016/QĐ-UBND<br>Ngày 31/3/2016              | Về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.   | Bị thay thế bởi Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội | 22/03/2024                        |
| 28. | Quyết định       | 15/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 08/09/2021             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND Thành phố về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND thành phố Hà Nội và Quyết định số 38/2017/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và tổ chức liên quan đến kiểm soát thủ tục | Bị thay thế bởi Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội | 22/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | hành chính của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố  |   |                                   |
| 29. | Quyết định       | 38/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 29/11/2017             | Về việc điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và tổ chức liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính của một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố | Bị thay thế bởi Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND ngày 12/03/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội | 22/03/2024                        |
| 30. | Quyết định       | 11/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 16/03/2022             | Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 05/04/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội                | 15/05/2024                        |
| 31. | Quyết định       | 74/2014/QĐ-UBND<br>Ngày 02/10/2014             | Ban hành quy định một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố được Luật Đất  | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 09/05/2024 của   | 20/5/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | đai 2013 và các Nghị định của chính phủ, các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính giao trong việc xác định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Hà Nội | UBND Thành phố Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Quy định liên quan đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội   |                                   |
| 32. | Quyết định       | 09/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 28/04/2020             | Về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 16/05/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội        | 27/05/2024                        |
| 33. | Quyết định       | 02/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 16/01/2018             | Về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" trên địa bàn thành phố Hà Nội.  | Bị thay thế bởi Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 23/05/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Người tốt, việc tốt" trên địa bàn thành phố Hà Nội | 03/06/2024                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|--|--|
| 34.        | Quyết định              | 03/2018/QĐ-UBND<br>Ngày 16/01/2018                    | Về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú"   | Bị thay thế bởi Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 28/05/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Công dân Thủ đô ưu tú"   | 08/06/2024                               |
| 35.        | Quyết định              | 01/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 13/01/2020                    | Về việc ban hành Quy chế về phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền nhân rộng và thi viết về gương điển hình tiên tiến, Người tốt, việc tốt, xuất bản sách "Những bông hoa đẹp" thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 30/05/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền nhân rộng điển hình tiên tiến; Cuộc thi viết về điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; Biên tập, xuất bản sách "Những bông hoa đẹp" thành phố Hà Nội | 10/06/2024                               |
| 36.        | Quyết định              | 11/2019/QĐ-UBND<br>Ngày 20/05/2019                    | Ban hành quy chế xét, công nhận công trình chào mừng các ngày lễ lớn của thủ đô và đất nước   | Bị thay thế bởi Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 30/05/2024  | 10/06/2024                               |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế xét, công nhận công trình kỷ niệm các ngày lễ lớn của Thủ đô và đất nước  |                                   |
| 37. | Quyết định       | 17/2019/QĐ-UBND<br>Ngày 07/10/2019             | Về việc ban hành Quy chế khen thưởng doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 05/06/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế khen thưởng doanh nhân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội    | 16/06/2024                        |
| 38. | Quyết định       | 3023/QĐ-UBND<br>Ngày 18/6/2018                 | Về việc ban hành Bảng giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà và thuế thu nhập cá nhân đối với việc chuyển nhượng nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 11/06/2024 của UBND Thành phố về ban hành Bảng giá làm căn cứ tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn thành phố Hà Nội | 22/6/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
| 39. | Quyết định       | 33/2015/QĐ-UBND<br>Ngày 04/11/2015             | Về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Thành phố   | Bị thay thế bởi Quyết định số 43/2024/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố Hà Nội   | 15/7/2024                         |
| 40. | Quyết định       | 35/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 22/12/2023             | Về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: thu tiền thuê đất, xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê, thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 đối với các trường hợp áp dụng hệ số theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền thuê đất; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất thuê; thu tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước công | 29/7/2014                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích đất ở vượt hạn mức; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội |                                   |
| 41. | Quyết định       | 34/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 22/12/2023             | Về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền sử dụng đất khi giao đất không thông qua đấu giá; thu tiền sử dụng đất khi tổ chức được công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi bán lại nhà ở xã hội; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 18/7/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 theo quy định của pháp luật làm căn cứ tính: Thu tiền sử dụng đất khi giao đất không thông qua đấu giá; thu tiền sử dụng đất khi tổ           | 29/7/2014                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | chức được công nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; thu tiền sử dụng đất khi bán lại nhà ở xã hội; xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội |                                   |
| 42. | Quyết định       | 16/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 04/04/2022             | Ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh | Bị thay thế bởi Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND Thành phố về việc quy định về thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ  | 05/8/2024                         |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | <p>nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận, huyện, thị xã</p> | <p>quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội</p>   |                                   |
| 43. | Quyết định       | <p>206/2006/QĐ-UBND<br/>Ngày 24/11/2006</p>    | <p>Ban hành quy chế bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội của quỹ đầu tư phát triển thành phố Hà Nội</p>  | <p>Bị thay thế bởi Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định số 206/2006/QĐ-UBND ngày 24/11/2006 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hà Nội của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội</p> | 06/08/2024                        |
| 44. | Quyết định       | <p>16/2021/QĐ-UBND<br/>Ngày 15/09/2021</p>     | <p>Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội</p>   | <p>Bị thay thế bởi Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 01/08/2024</p>   | 11/08/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | của UBND Thành phố Ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội  |                                   |
| 45. | Quyết định       | 17/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 04/09/2020             | Ban hành Quy định về quản lý, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông đi nổi trên cột treo cáp trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 23/08/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị; quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội | 06/09/2024                        |
| 46. | Quyết định       | 08/2014/QĐ-UBND<br>Ngày 13/02/2014             | Về việc ban hành Quy chế vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học diện rộng thành phố Hà Nội.   | Bị thay thế bởi Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 30/08/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng mạng truyền số liệu   | 09/09/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước thành phố Hà Nội  |                                   |
| 47. | Quyết định       | 10/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 29/03/2017             | Ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.   | Bị thay thế bởi Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/09/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội | 20/09/2024                        |
| 48. | Quyết định       | 27/2024/QĐ-UBND<br>Ngày 05/04/2024             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố. | Bị thay thế bởi Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 06/09/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội | 20/09/2024                        |
| 49. | Quyết định       | 51/2013/QĐ-UBND Ngày 22/11/2013                | Ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong cơ   | Bị thay thế bởi Quyết định số 57/2024/QĐ-  | 10/09/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội (trừ các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao). | UBND ngày 10/09/2024 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định số 51/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về thu, sử dụng các khoản thu khác trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội (trừ cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao) |                                   |
| 50. | Quyết định       | 21/2015/QĐ-UBND<br>Ngày 03/08/2015             | Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ Thi đua, Khen thưởng thành phố Hà Nội               | Bị thay thế bởi Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 18/09/2024 của UBND Thành phố về việc bãi bỏ Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của   | 18/09/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | Quỹ Thi đua, khen thưởng thành phố Hà Nội  |                                   |
| 51. | Quyết định       | 26/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 04/08/2017             | Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội                              | Bị thay thế bởi Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày 24/09/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hà Nội | 04/10/2024                        |
| 52. | Quyết định       | 15/2011/QĐ-UBND<br>Ngày 06/5/2011              | Ban hành Quy định xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội   | 07/10/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
| 53. | Quyết định       | 16/2015/QĐ-UBND<br>Ngày 17/07/2015             | Về việc: sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND Thành phố quy định về xử lý các trường hợp đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng đang tồn tại dọc theo các tuyến đường giao thông và nguyên tắc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng các đường giao thông mới trên địa bàn thành phố Hà Nội. | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |
| 54. | Quyết định       | 11/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 31/03/2017             | Về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |
| 55. | Quyết định       | 12/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 31/03/2017             | Ban hành Quy định một số nội dung về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân,   | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về  | 07/10/2024                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>   | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|--|--|--|
|            |                         |   | cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài; chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội   | một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội   |  |
| 56.        | Quyết định              | 13/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 31/03/2017                    | Về việc ban hành một số quy định về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                               |
| 57.        | Quyết định              | 20/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 1/6/2017                      | Về việc Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất; kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.  | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                               |
| 58.        | Quyết định              | 27/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 18/11/2020                    | Về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao   | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-  | 07/10/2024                               |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|--|--|
|            |                         |   | đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội   | UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội  |  |
| 59.        | Quyết định              | 22/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 25/05/2022                    | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                               |
| 60.        | Quyết định              | 23/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 30/05/2022                    | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 và bãi bỏ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                               |
| 61.        | Quyết định              | 24/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 03/06/2022                    | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định ban hành  | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-  | 07/10/2024                               |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND Thành phố quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội  | UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội  |                                   |
| 62. | Quyết định       | 26/2022/QĐ-UBND<br>Ngày 14/06/2022             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 và thay thế Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |
| 63. | Quyết định       | 04/2024/QĐ-UBND<br>Ngày 19/01/2024             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 03 | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội   |  |                                   |
| 64. | Quyết định       | 30/2024/QĐ-UBND<br>Ngày 09/05/2024             | Về việc ban hành quy định việc rà soát, công bố công khai danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý, việc lấy ý kiến người dân và công khai việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp tại địa phương để sử dụng vào mục đích công cộng hoặc giao, cho thuê cho người sử dụng đất liền kề trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |
| 65. | Quyết định       | 31/2024/QĐ-UBND<br>Ngày 09/05/2024             | Về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Quy định liên quan đến đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND Thành phố Ban hành Quy định về một số nội dung thuộc lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội | 07/10/2024                        |
| 66. | Quyết định       | 12/2021/QĐ-UBND<br>Ngày 20/07/2021             | Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê hàng năm; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất  | Bị thay thế bởi Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND Thành phố   | 01/11/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | có mặt nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội   | về việc quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội  |                                   |
| 67. | Quyết định       | 41/2024/QĐ-UBND<br>Ngày 07/06/2024             | Về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê hàng năm; đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm; đơn giá thuê đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của UBND Thành phố về việc quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn thành phố Hà Nội | 01/11/2024                        |
| 68. | Quyết định       | 34/2020/QĐ-UBND<br>Ngày 08/12/2020             | Về việc ban hành quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì công viên, cây xanh và chăn nuôi động vật trung bày trên địa bàn thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND Thành phố về việc ban hành quy   | 23/2011                           |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | trình, định mức kinh tế kỹ thuật duy trì công viên, cây xanh và chăm sóc, nuôi dưỡng động vật trưng bày trên địa bàn thành phố Hà Nội   |                                   |
| 69. | Quyết định       | 19/2019/QĐ-UBND<br>Ngày 15/10/2019             | Quy định thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND Thành phố về bãi bỏ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 và Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà | 01/12/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | Nội   |                                   |
| 70. | Quyết định       | 07/2023/QĐ-UBND<br>Ngày 12/04/2023             | Sửa đổi Điều 1 Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND Thành phố quy định thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của UBND Thành phố về bãi bỏ Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 và Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hà Nội | 01/12/2024                        |
| 71. | Quyết định       | 36/2017/QĐ-UBND<br>Ngày 14/11/2017             | Về việc ban hành một số quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hà Nội.   | Bị thay thế bởi Quyết định số 70/2024/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND Thành phố  | 22/12/2024                        |

| STT               | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|                   |                  |  |  | về việc ban hành Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội  |                                   |
| <b>NGHỊ QUYẾT</b> |                  |  |  |  |                                   |
| 72.               | Nghị quyết       | 07/2012/NQ-HĐND<br>Ngày 13/07/2012             | Về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế xã hội và thu chi ngân sách sáu tháng cuối năm 2012 của thành phố Hà Nội (Còn hiệu lực một phần, phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết về công tác kiểm tra văn bản) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nội dung của Nghị quyết bị hết hiệu lực theo thời gian năm 2012</li> <li>- Phụ lục 01 bị sửa đổi bởi Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 05/12/2014 của HĐND Thành phố về mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp thành phố, cấp huyện thực hiện ; mức chi cho công tác giáo dục, phổ biến pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân và công</li> </ul> | 10/4/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | <p>tác hòa giải ở cơ sở</p> <p>- Phụ lục số 02 bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội</p> |                                   |
| 73. | Nghị quyết       | 03/2023/NQ-HĐND<br>Ngày 04/07/2023             | Về việc quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2023-2024 | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở  | 29/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |   | giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024  |                                   |
| 74. | Nghị quyết       | 14/2019/NQ-HĐND<br>Ngày 04/12/2019             | Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố Về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội | 08/04/2024                        |
| 75. | Nghị quyết       | 02/2021/NQ-HĐND<br>Ngày 23/06/2021             | Về việc quy định một số chế độ chi đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 của thành phố Hà Nội  | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố  | 29/03/2024                        |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | bãi bỏ một số quy định về phòng, chống dịch Covid-19 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội   |                                   |
| 76. | Nghị quyết       | 15/NQ-HĐND<br>Ngày 13/8/ 2021                  | Quy định một số chính sách đặc thù của thành phố Hà Nội hỗ trợ đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.                            | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố về bãi bỏ một số quy định về phòng, chống dịch Covid-19 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội | 29/03/2024                        |
| 77. | Nghị quyết       | 17/NQ-HĐND<br>Ngày 13/8/ 2021                  | Về việc quy định ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí thực hiện hỏa táng đối với người tử vong dương tính với SARS-CoV-2 trên địa bàn thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố về bãi bỏ một số quy định về phòng, chống dịch Covid-19 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành            | 29/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | phố Hà Nội  |                                   |
| 78. | Nghị quyết       | 01/2018/NQ- HĐND<br>Ngày 05/7/2018             | Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội   | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15/05/2024 của HĐND Thành phố về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội | 15/05/2024                        |
| 79. | Nghị quyết       | 12/2021/NQ-HĐND<br>Ngày 08/12/2021             | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 15/05/2024 của HĐND Thành phố về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội | 15/05/2024                        |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>   | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|---|--|
| 80.        | Nghị quyết              | 21/2008/NQ-HĐND<br>Ngày 11/12/2008                    | Về quy định mức phụ cấp và kinh phí mua sắm trang bị phương tiện làm việc đối với lực lượng bảo vệ dân phố  | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 12/2024 /NQ-HĐND ngày 1/7/2024 của HĐND Thành phố quy định tiêu chí thành lập và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; nội dung, mức chi hỗ trợ đối với người tham gia Lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở trên địa bàn Thành phố. | 11/7/2024                                |
| 81.        | Nghị quyết              | 30/2022/NQ-HĐND<br>Ngày 10/12/2022                    | Quy định về Huy hiệu "Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô"   | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 16/2024 /NQ-HĐND ngày 2/7/2024 của HĐND Thành phố quy định về xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp xây dựng Thủ đô"  | 12/7/2024                                |
| 82.        | Nghị quyết              | 02/2023/NQ-HĐND<br>Ngày 04/7/2023                     | Quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố Phê duyệt giá dịch vụ  | 04/10/2024                               |

| <b>STT</b> | <b>Tên loại văn bản</b> | <b>Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản</b> | <b>Tên gọi của văn bản</b>  | <b>Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b>  | <b>Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực</b> |
|------------|-------------------------|---|---|--|--|
|            |                         |   | Nội   | giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội  |  |
| 83.        | Nghị quyết              | 08/2024/NQ-HĐND<br>Ngày 15/05/2024                    | Nghị quyết về việc kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND Thành phố quy định giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội. | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 04/10/2024 của HĐND Thành phố Phê duyệt giá dịch vụ giáo dục để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội | 04/10/2024                               |
| 84.        | Nghị quyết              | 10/2013/NQ-HĐND<br>Ngày 17/07/2013                    | Về thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô Hà Nội (Theo quy định tại Điều 7 Luật Thủ đô).   | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 19/11/2024 của HĐND Thành phố về danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô  | 01/01/2025                               |
| 85.        | Nghị quyết              | 09/2024/NQ-HĐND<br>Ngày 15/05/2024                    | Về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và quy định  | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 35/2024/NQ-  | 10/12/2024                               |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|--|-----------------------------------|
|     |                  |  | thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội  | HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố về quy định một số thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa dịch vụ huộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội                       |                                   |
| 86. | Nghị quyết       | 05/2024/NQ-HĐND<br>Ngày 29/03/2024             | Về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội | Bị thay thế bởi Nghị quyết số 45/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND Thành phố quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý | 20/12/2024                        |
| 87. | Nghị quyết       | 01/2020/NQ-HĐND<br>Ngày 15/5/2020              | Về việc quy định một số cơ chế, nội dung, mức chi đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 của thành phố Hà Nội  | Các phụ lục đã bị bãi bỏ và hết hiệu lực theo thời gian<br>+ Phụ lục số 01 bị thay thế bởi khoản 3 Điều 2 Nghị Quyết số  | 29/03/2024                        |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---------------------|--|-----------------------------------|
|     |                  |  |                     | <p>02/2021/NQ-HĐND ngày 26/3/2021 của HĐND Thành phố về việc quy định một số chế độ chi đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 của thành phố Hà Nội (Hết hiệu lực ngày 23/06/2021)</p> <p>+ Phụ lục số 02 bị hết hiệu lực theo thời gian (ngày 30/6/2020)</p> <p>+ Phụ lục số 03 bị bãi bỏ bởi Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố bãi bỏ một số quy định về phòng, chống dịch Covid-19 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội</p> <p>+ Phụ lục số 04 bị hết hiệu lực theo thời gian</p> |                                   |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | (ngày 01/01/2021)<br>+ Phụ lục số 05 bị hết hiệu lực theo thời gian (ngày 01/01/2021)   |                                   |
| 88. | Nghị quyết       | 19/2014/NQ-HĐND<br>Ngày 05/12/2014             | Về mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp thành phố, cấp huyện thực hiện; mức chi cho công tác giáo dục, phổ biến pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân và công tác hòa giải ở cơ sở | - Các phụ lục đã hết hiệu lực thi hành:<br>+ Phụ lục 01 bị thay thế bởi Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 2/7/2024 của HĐND Thành phố về Quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp Thành phố thực hiện<br>+ Phụ lục 02, 04 bị thay thế bởi Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 2/7/2024 của HĐND Thành phố về việc quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, | 12/7/2024                         |

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản  | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực  | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|--|---|-----------------------------------|
|     |                  |  |  | <p>chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hà Nội</p> <p>+ Phụ lục 03 bị thay thế bởi Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08/07/2019 của HĐND Thành phố Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố</p> |                                   |
| 89. | Nghị quyết       | 15/2016/NQ-HĐND<br>Ngày 06/12/2016             | Về một số giải pháp tăng cường công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020       | Hết hiệu lực theo thời gian   | 01/01/2021                        |
| 90. | Nghị quyết       | 08/2015/NQ-HĐND<br>Ngày 01/12/2015             | Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 của thành phố Hà Nội.  | Hết hiệu lực theo thời gian   | 01/01/2021                        |
| 91. | Nghị quyết       | 13/2016/NQ-HĐND<br>Ngày 05/12/2016             | Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phân trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định | Hết hiệu lực theo thời gian (Hết giai đoạn ổn định ngân sách)   | 01/01/2022                        |



| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực                            | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-----|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
|     |                  |  | mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.   |   |                                   |
| 92. | Nghị quyết       | 02/2018/NQ-HĐND<br>Ngày 05/7/2018              | Về việc điều chỉnh, bổ sung một số định mức phân bổ chi ngân sách của thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phân trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2020 | Hết hiệu lực theo thời gian (Hết giai đoạn ổn định ngân sách) | 01/01/2022                        |
| 93. | Nghị quyết       | 01/2021/NQ-HĐND<br>Ngày 23/06/2021             | Về việc điều chỉnh phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phân trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách quận, thị xã, phường khi áp dụng thí điểm mô hình chính quyền đô thị.   | Hết hiệu lực theo thời gian (Hết giai đoạn ổn định ngân sách) | 01/01/2022                        |